



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 2 NĂM 2014

Tháng 7 năm 2014



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,151,111,230,631	1,353,482,419,575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	611,662,151,728	917,258,358,210
1. Tiền	111		238,136,168,983	230,712,372,526
2. Các khoản tương đương tiền	112		373,525,982,745	686,545,985,684
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18,376,791,095	18,376,791,095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49,900,000,000	49,900,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	7	(31,523,208,905)	(31,523,208,905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		361,262,055,025	281,256,162,401
1. Phải thu khách hàng	131		100,059,170,259	60,646,839,251
2. Trả trước cho người bán	132		77,259,690,878	2,295,552,455
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	179,202,274,602	166,081,214,030
4. Các khoản phải thu khác	135		4,740,919,286	52,232,556,665
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		81,714,455,884	71,446,664,725
1. Hàng tồn kho	141	9	81,714,455,884	71,446,664,725
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78,095,776,899	65,144,443,144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		143,612,953	617,966,563
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77,024,753,077	63,317,971,870
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		71,200,711	71,200,711
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		856,210,158	1,137,304,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		683,833,389,201	713,610,672,594
I. Tài sản cố định	220		131,917,858,440	130,451,528,045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	30,576,585,571	29,228,243,358
- Nguyên giá	222		71,882,336,498	70,319,969,696
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41,305,750,927)	(41,091,726,338)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	100,112,600,381	100,112,600,381
- Nguyên giá	228		100,491,657,381	100,491,657,381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(379,057,000)	(379,057,000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1,228,672,488	1,110,684,306
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		438,707,420,573	420,009,420,573
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	422,347,463,324	403,649,463,324
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	14,359,957,249	14,359,957,249
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2,000,000,000	2,000,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		113,208,110,188	163,149,723,976
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	112,183,110,188	162,129,723,976
2. Tài sản dài hạn khác	268		1,025,000,000	1,020,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,834,944,619,832	2,067,093,092,169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		664,891,196,532	875,960,863,241
I. Nợ ngắn hạn	310		657,656,812,963	868,726,479,672
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	385,679,287,735	457,218,328,295
2. Phải trả người bán	312		41,122,842,243	150,931,814,859
3. Người mua trả tiền trước	313		7,307,918,703	5,941,426,329
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	5,934,603,035	2,574,516,578
5. Phải trả người lao động	315	16	4,208,681,649	13,608,742,041
6. Chi phí phải trả	316		2,800,000,000	435,308,168
7. Phải trả nội bộ	317		144,204,118,802	140,598,940,293
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		14,312,669,881	37,523,944,859
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		52,086,690,915	59,893,458,250
II. Nợ dài hạn	330		7,234,383,569	7,234,383,569
1. Phải trả dài hạn khác	333		7,234,383,569	7,234,383,569
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,170,053,423,300	1,191,132,228,928
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1,170,053,423,300	1,191,132,228,928
1. Vốn điều lệ	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		133,918,052,614	133,918,052,614
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		100,216,153,620	100,216,153,620
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		50,672,027,627	50,672,027,627
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		186,827,189,439	207,905,995,067
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1,834,944,619,832	2,067,093,092,169

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại		
USD	2,800	5,069,160.86
2. Nợ khó đòi đã xử lý		1,614,400,000

Hà Văn Phương
 Người lập biểu
 Ngày 18 tháng 07 năm 2014

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2014	Lũy kế 6 tháng Năm 2014	Quý 2 Năm 2013	Lũy kế 6 tháng Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	488,664,354,778	890,750,430,109	469,576,714,669	865,139,490,271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	90,909,091	90,909,091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		488,664,354,778	890,750,430,109	469,485,805,578	865,048,581,180
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	439,536,355,126	802,712,775,194	440,551,729,540	810,618,268,917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49,127,999,652	88,037,654,915	28,934,076,038	54,430,312,263
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	21,429,719,075	32,215,207,971	28,850,958,355	38,970,525,992
7. Chi phí tài chính	22	21	8,210,435,623	14,226,381,818	5,262,083,824	7,023,890,006
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,581,462,577	9,696,769,322	4,484,550,052	5,709,646,131
8. Chi phí bán hàng	24		28,534,904,112	51,196,831,729	12,930,106,376	22,358,866,212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,563,927,168	20,180,415,199	1,817,809,258	20,776,713,692
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21,248,451,824	34,649,234,140	37,775,034,935	43,241,368,345
11. Thu nhập khác	31		774,820,844	1,629,716,342	755,556,312	755,597,112
12. Chi phí khác	32		247,346,176	702,296,652	897,419,932	932,940,017
13. Lợi nhuận khác	40		527,474,668	927,419,690	(141,863,620)	(177,342,905)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,775,926,492	35,576,653,830	37,633,171,315	43,064,025,440
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	4,790,703,829	7,826,863,843	6,417,049,534	8,749,441,681
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,985,222,663	27,749,789,987	31,216,121,781	34,314,583,759


 Hà Văn Phương
 Người lập biểu
 Ngày 18 tháng 07 năm 2014


 Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng


 Phùng Tuấn Hà
 Tổng giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế 6 tháng Năm 2014	Lũy kế 6 tháng Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35,576,653,830	43,064,025,440
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,886,987,670	2,191,013,119
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3,710,803	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(22,936,300,724)	(37,176,022,597)
Chi phí lãi vay	06	9,696,769,322	5,709,646,131
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24,227,820,901	13,788,662,093
Thay đổi các khoản phải thu	09	(103,670,373,784)	38,634,982,362
Thay đổi hàng tồn kho	10	(10,267,791,159)	(27,841,083,630)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(142,180,595,689)	5,095,333,877
Thay đổi chi phí trả trước	12	49,941,613,788	4,167,129,743
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(5,709,646,131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5,244,518,371)	(4,306,383,051)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	485,714,025,950	(6,961,368,928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	298,520,181,636	16,867,626,335
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3,402,493,635)	(52,188,182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	182,545,459	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(17,200,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	30,362,282,732
5. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15,353,821,878	31,926,131,287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12,133,873,702	45,036,225,837
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	276,488,477,329	419,446,209,717
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(892,735,028,346)	(272,131,299,605)
4. Tiền chi trả cổ tức (ii)	36	-	(95,775,273,697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(616,246,551,017)	51,539,636,415
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(305,592,495,679)	113,443,488,587
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	917,258,358,210	368,738,035,739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(3,710,803)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	611,662,151,728	482,181,524,326

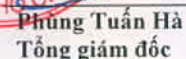


Hà Văn Phương
 Người lập biểu
 Ngày 18 tháng 07 năm 2014



Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng




 Phùng Tuấn Hà
 Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 15 số 0300452060 ngày 21 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 103 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 110).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD. Quảng cáo, hoạt động của các cơ sở thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2014 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà Petro Vietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá tiền thuê kho Hồ Nai – Đồng Nai được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê kho theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	756,025,577	369,240,536
Tiền gửi ngân hàng	237,380,143,406	230,343,131,990
Các khoản tương đương tiền (i)	373,525,982,745	686,545,985,684
	611,662,151,728	917,258,358,210

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39,500,000,000	39,500,000,000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (i)	10,400,000,000	10,400,000,000
	49,900,000,000	49,900,000,000

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Trading") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Trading và Petrosetco Sài Gòn Dầu khí đang trong quá trình quyết toán với cơ quan Thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp, năm 2012, 2013 không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Trading và Petrosetco Sài Gòn sẽ được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên bảng cân đối kế toán.

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29,882,192,415	29,882,192,415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	1,641,016,490	1,641,016,490
	31,523,208,905	31,523,208,905

8. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

Thể hiện khoản phải thu các công ty con trong Tổng công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	28,969,072,486
Hàng hóa	81,714,455,884	42,477,592,239
	<u>81,714,455,884</u>	<u>71,446,664,725</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	55,517,893,177	3,698,806,944	7,576,948,991	3,526,320,584	70,319,969,696
Mua trong năm			3,820,249,091		3,820,249,091
Giảm do điều chỉnh quyết toán XDCB hoàn thành					-
Thanh lý, nhượng bán			(2,257,882,289)		(2,257,882,289)
Giảm khác (i)					-
Tại ngày 30/06/2014	<u>55,517,893,177</u>	<u>3,698,806,944</u>	<u>9,139,315,793</u>	<u>3,526,320,584</u>	<u>71,882,336,498</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	31,583,150,551	2,449,841,235	3,959,393,866	3,099,340,686	41,091,726,338
Khấu hao trong năm	946,872,828	130,904,538	543,626,260	265,584,044	1,886,987,670
Thanh lý, nhượng bán			(1,672,318,289)	(644,792)	(1,672,963,081)
Giảm khác (i)					-
Tại ngày 30/06/2014	<u>32,530,023,379</u>	<u>2,580,745,773</u>	<u>2,830,701,837</u>	<u>3,364,279,938</u>	<u>41,305,750,927</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2014	<u>22,987,869,798</u>	<u>1,118,061,171</u>	<u>6,308,613,956</u>	<u>162,040,646</u>	<u>30,576,585,571</u>
Tại ngày 01/01/2014	<u>23,934,742,626</u>	<u>1,248,965,709</u>	<u>3,617,555,125</u>	<u>426,979,898</u>	<u>29,228,243,358</u>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 14.711.685.566 VND (31 tháng 12 năm 2013 là 14.711.685.566 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	100,112,600,381	379,057,000	100,491,657,381
Thanh lý			-
Tại ngày 30/06/2014	100,112,600,381	379,057,000	100,491,657,381
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	379,057,000	379,057,000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	-	379,057,000	379,057,000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2014	100,112,600,381	-	100,112,600,381
Tại ngày 01/01/2014	100,112,600,381	-	100,112,600,381

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	1,110,684,306	722,570,671
Tăng trong năm	117,988,182	388,113,635
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	1,228,672,488	1,110,684,306
Chi tiết theo công trình:		
	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202,211,970	202,211,970
Dự án 41D Vũng Tàu	740,211,009	419,693,145
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	286,249,509	488,779,191
	1,228,672,488	1,110,684,306

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	113,600,000,000	113,600,000,000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	31,681,662,678	31,681,662,678
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (i)	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	64,341,999,232	64,341,999,232
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	101,328,000,000	95,230,000,000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	66,160,637,417	66,160,637,417
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	9,985,163,997	9,985,163,997
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (ii)	16,500,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí (iii)	7,650,000,000	7,650,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	6,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	5,100,000,000	-
	422,347,463,324	403,649,463,324

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ	Hoạt động chính
			quyền biểu quyết nắm giữ	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	79.87%	79.87%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	95%	95%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88.20%	88.20%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	55%	55%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	Tp. HCM	58.19%	60%	Bán lẻ điện thoại
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	Tp. HCM	60%	60%	Logistics
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	Tp. HCM	51%	51%	Bán lẻ điện thoại

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14,359,957,249	14,359,957,249
	14,359,957,249	14,359,957,249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	112,183,110,188	160,035,834,403
Thuê kho Hồ Nai	-	2,093,889,573
	<u>112,183,110,188</u>	<u>162,129,723,976</u>

(i) Là khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (USD)	-	169,923,297,700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VND)	-	97,265,180,580
Ngân hàng TNHH Indovina	-	20,385,356,087
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	41.158,338,828
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (USD)		16,727,243,500
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) (VND)	75,820,164,114	27,555,978,537
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VND)	810,000,000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (USD)	11,799,529,885	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	78,553,046,788	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (USD)	189,709,364,435	45,637,040,600
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (VND)	28,987,182,513	38,565,892,463

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,790,703,829	2,208,358,357
Thuế thu nhập cá nhân	1,143,899,206	366,158,221
	<u>5,934,603,035</u>	<u>2,574,516,578</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

	30/06/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	69,842,000	69,842,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69,842,000	69,842,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	788,880
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	788,880
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69,842,000	69,053,120
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69,842,000	69,053,120
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 15 số 0300452060 ngày 21 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	30/06/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246,092,850,000	35.24	246,092,850,000	35.24
Các cổ đông khác	452,327,150,000	64.76	452,327,150,000	64.76
	698,420,000,000	100	698,420,000,000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ như sau

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2012	698,420,000,000	128,358,940,301	42,911,651,986	(9,150,605,990)	84,695,402,338	-	267,768,306,580	1,213,003,695,215
Tăng trong năm	-	5,559,112,313	-	9,150,605,990	15,520,751,282	50,672,027,627	120,464,680,487	201,367,177,699
Bán cổ phiếu quỹ (iv)	-	5,559,112,313	-	9,150,605,990	-	-	-	14,709,718,303
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	155,207,512,818	155,207,512,818
Tạm trích Quỹ	-	-	-	-	15,520,751,282	7,760,375,641	(35,115,401,259)	(11,834,274,336)
Điều chuyển, tăng khác	-	-	-	-	-	42,911,651,986	372,568,928	43,284,220,914
Giảm trong năm	-	-	42,911,651,986	-	-	-	180,326,992,000	223,238,643,986
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	180,326,992,000	180,326,992,000
Điều chuyển	-	-	42,911,651,986	-	-	-	-	42,911,651,986
Số dư tại ngày 31/12/2013	698,420,000,000	133,918,052,614	-	-	100,216,153,620	50,672,027,627	207,905,995,067	1,191,132,228,928
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	27,810,594,372	27,810,594,372
Bán cổ phiếu quỹ (iv)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	27,749,789,987	27,749,789,987
Phân phối quỹ (i)	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	60,804,385	60,804,385
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	48,889,400,000	48,889,400,000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	48,889,400,000	48,889,400,000
Số dư tại ngày 30/06/2014	698,420,000,000	133,918,052,614	-	-	100,216,153,620	50,672,027,627	186,827,189,439	1,170,053,423,300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Lũy kế 6 tháng Năm 2014 VND	Lũy kế 6 tháng Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	853,108,190,220	829,391,088,406
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37,642,239,889	35,748,401,865
	890,750,430,109	865,139,490,271

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Lũy kế 6 tháng Năm 2014 VND	Lũy kế 6 tháng Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	796,708,997,192	801,661,145,247
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6,003,778,002	8,957,123,670
	802,712,775,194	810,618,268,917

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế 6 tháng Năm 2014 VND	Lũy kế 6 tháng Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21,674,134,473	23,476,980,326
Lợi nhuận chuyển từ Công ty con	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,664,540,000	12,937,537,301
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4,523,307,648	1,122,308,365
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4,353,225,850	1,433,700,000
	32,215,207,971	38,970,525,992

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Lũy kế 6 tháng Năm 2014 VND	Lũy kế 6 tháng Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	9,696,769,322	5,709,646,131
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,839,065,259	1,194,466,097
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,690,547,237	-
Chi phí tài chính khác	-	119,777,778
	14,226,381,818	7,023,890,006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Lũy kế 6 tháng Năm 2014	Lũy kế 6 tháng Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,576,653,830	43,064,025,440
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	<i>6,304,978,584</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ		6,304,978,584
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của khoản vay ngắn hạn tại cuối năm	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	<i>14,371,237,301</i>
- Lợi nhuận chuyển về từ công ty con		-
- Cổ tức nhận được		14,371,237,301
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	35,576,653,830	34,997,766,723
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,826,863,843	8,749,441,681

23. NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Lũy kế 6 tháng Năm 2014	Lũy kế 6 tháng Năm 2013
	VND	VND
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6,167,672,280	5,606,974,800
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	427,815,464,215	606,895,867,789
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	20,053,280,731	86,667,628,361
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	84,936,075,000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	2,766,877,500

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.







Hà Văn Phương
 Người lập biểu
 Ngày 18 tháng 07 năm 2014

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Trương Tuấn Hà
 Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ
NĂM 2014 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2013**

Thực hiện theo thông tư 52/2012/TT-BTC, Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí giải trình biến động kết quả kinh doanh công ty mẹ năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 như sau:

Lợi nhuận của công ty mẹ trong Quý 2 năm 2014 đạt 16,9 tỷ đồng, giảm 14,2 tỷ đồng tương đương giảm 46% so với cùng kỳ năm 2013 chủ yếu là do doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh vì trong kì công ty mẹ chưa nhận được lợi nhuận và cổ tức của các công ty con chuyển về và lãi suất tiền gửi trong năm nay cũng thấp hơn cùng kì năm ngoái. Ngoài ra chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp cũng tăng so với cùng kì Quý 2 năm 2013 do trong kì đơn vị đẩy mạnh việc mở rộng quan hệ, tìm kiếm khách hàng mới.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Dào Văn Đại